

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 19 / 2019HS-ST

Ngày 23/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Sầm Văn Dương.

Ông: Lương Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/TLST-HS ngày 12/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lô Văn T – Tên gọi khác: không.

Sinh năm 1996 tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản C, xã D L, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9 ; Dân tộc: Thái; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lô Văn Đ và bà: Lữ Thị K.

Vợ; con: không.

Tiền án; tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2018.

Có mặt.

2. Họ và tên: Lô Văn H – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1993, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản C, xã D L, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 6; Dân tộc: Thái; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lô Văn H và bà: Chu Thị M.

Vợ: Lương Thị B; con: 01 đứa.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2018.

Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn T: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T.

Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn H: bà Nguyễn Thị T.

Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An –
Chi nhánh số 2.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lô Văn T là người nghiện chất ma túy, khoảng 10 giờ ngày 02/12/2018, T đi xe máy từ xã D L lên huyện Q P để tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến xã C T, huyện Q P thì gặp một người đàn ông không quen biết, T hỏi có hê rô in bán không thì người đàn ông đó nói có. Do T không có tiền nên đã đưa điện thoại di động cho người đàn ông đó, người đàn ông đó đã xem điện thoại và nói với T là chiếc điện thoại giá trị 1.500.000,đ. T đồng ý mua hê rô in với số tiền 1.500.000,đ tương ứng với giá trị điện thoại, T đưa điện thoại cho người đàn ông đó, người đó đã đi đâu một lúc quay lại và đưa cho T một gói hê rô in được bọc bằng bao ni lon ngoài cùng bằng ni lon màu đen. Sau khi nhận được hê rô in thì T hỏi mua ma túy tổng hợp và đưa cho người đàn ông đó 60.000,đ, người đó nhận tiền rồi đi một lúc quay lại đưa cho T 03 viên ma túy tổng hợp được bọc bằng bao ni lon xanh. Toàn bộ số ma túy T mua được bỏ vào túi áo khóa của T đang mặc rồi đi về. Trên đường về thì T nhận được điện thoại của Lô Văn H nói là đang ở Hà Nội về Q P và nói T đến đón, T và H hẹn nhau ở ngã ba xã C T, huyện Q P. Khoảng 18 giờ thì T đến đón H và chờ H về nhà bố vợ của H là ông Lương Văn T ở bản P 2, xã Q P, huyện Q P và hai người ăn cơm tại nhà ông T. Sau khi ăn cơm xong thì H mượn xe máy của ông T và cùng với T đi về nhà ở xã D L, huyện Q C. Khi về thì T đi trước còn H đi sau. Khi đến dốc bù Cống, xã C H thì T Dừng xe và đưa số ma túy của T mua được đưa cho H cầm, H biết đó là ma túy nhưng do H cũng là người nghiện nên cầm cho T với mục đích về nhà để cùng với T sử dụng chung. Khi hai người về đến bản Na Cống, xã C H thì Công an xã C H và công an huyện Q C yêu cầu dừng xe kiểm tra thì H đã vút gói hê rô in xuống đất nhưng bị phát hiện. Công an huyện Q C đã thu giữ một gói chất rắn màu trắng nghi hê rô in và thu giữ ở khẩu trang của H 03 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp, tạm giữ 02 điện thoại di động và 02 chiếc xe máy của T và H đồng thời đưa T và H về trụ sở UBND xã C H điều tra xử lý. Sau đó người và tang vật được giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q C để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số: 123/KL-PC09(MT) ngày 10/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu chất rắn màu trắng (Ký hiệu M1) thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H gửi tới giám định là ma túy (Hê rô in). Số chất rắn màu trắng thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H có khối lượng 13,57 gam. Mẫu chất rắn dạng viên nén màu hồng (Ký hiệu M2) thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén chất rắn màu hồng thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H có tổng khối lượng 0,3 gam.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Lô Văn T và Lô Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự.

-Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm g khoản 2 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lô Văn T từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Xử phạt Lô Văn H từ 05 (Năm) 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù.

Do điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án đề nghị: Căn cứ vào các điểm a,c khoản 2 điều 106, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy Tịch thu tiêu hủy 13,44 gam kê rô in và 0,2 gam Methamphetamine, 01 chiếc khẩu trang vải màu xám. Trả lại cho Lô Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 37H1- 205.57. Trả lại cho Lô Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

-Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo : Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm g khoản 2 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 và điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lô Văn T từ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù. Xử phạt Lô Văn H 05 (Năm) năm tù. Nhất trí với ý kiến của kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 249 của Bộ luật hình sự. Đối với Lô Văn H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và thuộc diện chính sách hộ nghèo đề nghị miễn án phí cho bị cáo H.

-Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để cải tạo tốt sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, Kiểm sát viên thu thập, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ai có khiếu nại về hành vi tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và kiểm sát viên.

[2] Về nội dung:

Lô Văn T là người nghiện chất ma túy, ngày 02/12/2018 T một mình đi lên huyện Q P, tỉnh Nghệ An tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến xã C T thì bị cáo gặp một người đàn ông đang đi trên đường bị cáo hỏi mua ma túy thì được người đó bán cho một gói hê rô in với giá 1.500.000,đ và 03 viên ma túy tổng hợp với giá là 60.000,đ. Sau khi mua được ma túy thì T nhận được điện thoại của Lô Văn H là anh em cùng bản nói là đang đi xe từ Hà nội về huyện Q P nhờ T đi đón và T với H hẹn nhau là sẽ đón ở ngã ba xã C T, huyện Q P. Khoảng 18 giờ cùng ngày thì T đến đón H và cả hai người đi về nhà bố vợ của H ăn cơm, sau đó H mượn xe của bố vợ đi về nhà. Khi T và H về đến dốc bù công thì T dừng xe và đưa số ma túy của T đã mua được cho H cầm, khi về đến bản N C , xã C H thì bị Công an xã C H và Công an huyện Q C yêu cầu dừng xe kiểm tra thì phát hiện và thu giữ tại Lô Văn H một gói hê rô in và 03 viên ma túy tổng hợp và thu giữ của bị cáo T và bị cáo H mỗi người một điện thoại di động và tạm giữ hai chiếc xe máy của T và H. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các vật chứng mà cơ quan điều tra đã thu giữ được, phù hợp với kết luận của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu chất rắn màu trắng (Ký hiệu M1) thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H gửi tới giám định là ma túy (Hê rô in). Số chất rắn màu trắng thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H có khối lượng 13,57 gam. Mẫu chất rắn dạng viên nén màu hồng (Ký hiệu M2) thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén chất rắn màu hồng thu giữ của Lô Văn T và Lô Văn H có tổng khối lượng 0,3 gam. Như vậy hành vi của Lô Văn T mua ma túy là hê rô in và Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng cho bị cáo với khối lượng các chất ma túy là 13,87 gam đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g, n khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của Lô Văn H khi được T giao ma túy cho H để cầm đưa về, H biết rõ đó là ma túy nhưng H đã cầm để đưa về với mục đích cùng được sử dụng chung với T, hành vi của H là đồng phạm với T với vai trò giúp sức, hành vi của bị cáo H cũng đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g, n khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu truy tố bị cáo T và bị cáo H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ. Tuy nhiên truy tố các bị cáo về tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 điều 249 của bộ luật hình sự là thiếu sót, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với hai tình tiết định khung là điểm g, điểm n khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm g, n khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy nên biết rõ về tác hại của việc sử dụng ma túy đối với sức khỏe và sự phát triển nòi giống con người, làm băng hoại đạo đức xã hội, ngoài ra còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó cần thiết phải xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo cải tạo thành người sống có ích cho xã hội và cũng có thời gian để các bị cáo cai nghiện để từ bỏ ma túy.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Lô Văn T là người trực tiếp mua ma túy với mục đích để sử dụng. Bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với Lô Văn H không trực tiếp cùng Lô Văn T mua ma túy, nhưng khi T đưa ma túy cho H để H cầm, cất giữ và đưa về để sử dụng, H biết rõ đó là ma túy nhưng H vẫn thực hiện, như vậy H cùng ý chí với T về việc đưa ma túy về cất giữ để sử dụng, do đó vai trò của bị cáo là đồng phạm giúp sức do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của bị cáo thực hiện.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo bởi: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Khoản 5 điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000,^d đến 500.000.000,^d, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Hành vi của những người bán ma túy cho bị cáo Lô Văn T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được là ai, ở đâu. Do đó không có căn cứ để xử lý.

[3] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ tại bị cáo gồm:

13,57 gam hê rô in đã trích 0,13 gam để giám định còn lại 13,44 gam. 0,3 gam Methamphetamine đã trích 0,1 gam để giám định còn lại 0,2 gam. Đây là vật cấm lưu hành, căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc khẩu trang bằng vải thu giữ của Lô Văn H không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy.

02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Lô Văn T và Lô Văn H là tài sản hợp pháp của các bị cáo. Do đó căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho các bị cáo.

01 chiếc xe máy biển kiểm soát 37H1 – 205 57, chiếc xe này là tài sản đăng ký quyền sở hữu của anh Trương Văn T, sinh năm 1993, trú tại Xóm Đ, xã T H, huyện Q H, tỉnh Nghệ An bán cho Lô Văn T nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lô Văn T. Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho bị cáo Lô Văn T.

01 chiếc xe máy biển kiểm soát 37 F1-075 05 thu giữ của bị cáo Lô Văn H, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lương Văn T, trú tại bản P 2, xã Q P huyện Q Ph, tỉnh Nghệ An cho Lô Văn H mượn. Trong quá trình điều tra Công an huyện Q C đã trả lại cho ông T đúng quy định, không xem xét thêm.

[4] Án phí: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lô Văn H đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo thực hiện hành phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý do đó không chấp nhận miễn án phí đối với bị cáo H. Căn cứ vào khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm g,n khoản 2 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Lô Văn T 08 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/12/2018.

Xử phạt Lô Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/12/2018.

- Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 13,44 gam hê rô in và 0,2 gam Methamphetamine, 01 chiếc khẩu trang vải màu xám. Trả lại cho Lô Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 37H1- 205.57. Trả lại cho Lô Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39.

Chi tiết các vật chứng được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Q C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q C lập ngày 12/4/2019.

-Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Các bị cáo Lô Văn T và Lô Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000,^d (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q C;
- CA huyện Q C;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Q C.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lô Xuân Diệu